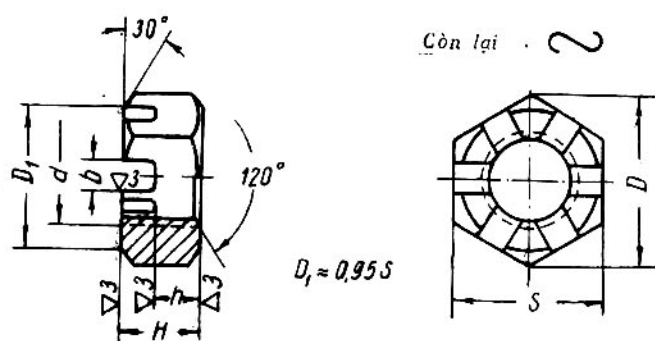


ĐAI ỐC DỆT NỬA TINH
SÁU CẠNH, XÊ RÃNH

Kích thước

TCVN 113 -- 63

Nhóm C



Ví dụ ký hiệu quy ước của đai ốc đường kính 10 mm:
có ren bước lớn: Đai ốc M10 TCVN 113-63.
có ren bước nhỏ 1 mm: Đai ốc M10×1 TCVN 113-63.

mm

Đường kính ren <i>d</i>	<i>S</i>		<i>H</i>		<i>D</i>		Độ lệch tâm cho phép của lỗ	Số rãnh	<i>b</i>		<i>h</i>		Độ lệch cho phép của rãnh so với đường tâm	Kích thước chốt chê	Khối lượng 1000 đai ốc kg ≈	
	Kích thước đánh nghĩa	Sai lệch cho phép	Kích thước đánh nghĩa	Sai lệch cho phép	Kích thước đánh nghĩa	Kích thước nhỏ nhất			Kích thước đánh nghĩa	Sai lệch cho phép	Kích thước đánh nghĩa	Sai lệch cho phép				
6	10	-0,36	5	+0,30	11,5	10,9	0,5	6	2	+0,40 -0,10	3	-0,40	0,20	1,5 × 15	1,845	
8	14	-0,43	6	-0,75	16,2	15,5			2,5		3,5	-0,48		2 × 20	4,497	
10	17		8	+0,36 -0,90	19,6	18,9			3		5			2,5 × 25	8,921	
12	19		10		21,9	21,1			3,5		6			3 × 30	13,48	
(14)	22	-0,52	10		25,4	24,5	0,7		3,5	+0,48 -0,10	6	-0,58	0,25	3 × 30	18,37	
16	24		12	27,7	26,3	0,8			5		7			4 × 35	33,67	
(18)	27		14	31,2	29,6				5		8		0,30	4 × 40	58,64	
20	30		16	34,6	33,8				5		10	-0,70		4 × 40	63,27	
(22)	32	-1,00	18	36,9	35,0	0,9			6	11	5 × 45			69,50		
24	36		18	41,6	39,5				6	11	5 × 45			82,95		
(27)	41		20	47,3	44,9				6	12	0,45	5 × 50	121,1			
30	46		22	+0,52 -1,60	53,1	50,4	1,0		7	+0,58 -0,10		13	-0,84		6 × 60	169,7
36	55	28	63,5	60,3	7	18			6 × 70			236,9				
42	65	-1,20	32	+0,62	75,0	71,2			10		20	0,50	8 × 80	516,4		
48	75		38	-2,00	86,5	81,2			10		26		8 × 90	858,0		

1. Chốt chên theo TCVN 129-63.
2. Cố gắng không dùng những đai ốc có kích thước nằm trong dấu ngoặc.
3. Yêu cầu kỹ thuật theo TCVN 124-63.
4. Quy tắc nghiệm thu, bao gói và ghi nhãn hiệu theo TCVN 128-63.